

Số: /QĐ-UBND

Yên Hòa, ngày tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ gốc gạo đê Liên Trì đến đường huyện ĐH74, xã Yên Hòa.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ YÊN HÒA

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ qui định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng.

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình.

Căn cứ Hướng dẫn số 2779/HD-SXD ngày 15/10/2021 của Sở Xây dựng Ninh Bình về việc xác định giá vật liệu, đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công; một số nội dung quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo quy định tại Nghị định số: 10/2021/NĐ-CP của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị Quyết số 30/NQ-HĐND ngày 31/03/2022 của HĐND xã Yên Hòa về việc đồng ý chủ trương thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ gốc gạo đê Liên Trì đến đường huyện ĐH74, xã Yên Hòa;;

Căn cứ Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 của UBND xã Yên Hòa về việc phê duyệt Nhiệm vụ, dự toán chi phí khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ gốc gạo đê Liên Trì đến đường huyện ĐH74, xã Yên Hòa;

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 của UBND xã Yên Hòa về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ gốc gạo đê Liên Trì đến đường huyện ĐH74, xã Yên Hòa;

Căn cứ văn bản số 120/TB-KT&HT, ngày 15/6/2022 của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Yên Mô về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ gốc gạo đê Liên Trì đến đường huyện ĐH74, xã Yên Hòa;

Xét đề nghị của Công chức Địa chính - Xây dựng xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ gốc gạo đê Liên Trì đến đường huyện ĐH74, xã Yên Hòa với nội dung sau đây:

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ gốc gạo đê Liên Trì đến đường huyện ĐH74, xã Yên Hòa.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Yên Hòa.

3. Chủ đầu tư: UBND xã Yên Hòa

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục Tiêu:

Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đảm bảo phục vụ sản xuất, tiêu thoát nước vào mùa mưa lũ và hoàn thiện về hạ tầng giao thông xã, đồng thời góp phần phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

4.2. Quy mô:

4.2.1. Phân đường giao thông.

Xây dựng tuyến đường giao thông nông thôn loại B (theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014) và các công trình phụ trợ trên tuyến, cụ thể như sau:

a. Quy mô, bình đồ tuyến:

Bình đồ, hướng tuyến: Hướng tuyến được thiết kế bám sát theo nền đường hiện trạng kết hợp mở rộng nền đường sang hai bên.

Tuyến đường thiết kế dài 280.06m.

b. Trắc dọc:

Cao độ đường đò được thiết kế trên cơ sở bám sát hiện trạng hai bên, thoả mãn các điều kiện sau:

- Cao độ điểm đầu và điểm cuối kết nối vào đường hiện trạng.

- Cao độ đường đò lấy tại tim của mặt cắt ngang.

c. Quy mô mặt cắt ngang:

- Mặt đường rộng: Bm= 3,50m.

- Nền đường rộng: $B_n = 0,75 + 3,5 + 0,75 = 5,00\text{m}$.
- Độ dốc mặt đường: $i_m = 2,0\%$, độ dốc lề $i_l = 4,0\%$.

d. Kết cấu nền, mặt đường:

- Kết cấu nền đường: Đắp nền đường, đắp bù đất không thích hợp bằng đất đá hỗn hợp đầm chặt $K=0,90$, lớp 30cm tiếp giáp đáy móng đắp bằng đất đá hỗn hợp đầm chặt $K=0,95$. Đánh cấp rộng trung bình $B=1,0\text{m}$ và đào đất không thích hợp dày trung bình 30cm.

- Kết cấu mặt đường:

+ Kết cấu: Lớp mặt bê tông xi măng M250 đá 2x4 dày 18cm; Lớp giấy dầu cách ly; Lớp móng cấp phối đá dăm loại II dày 15cm.

+ Khe co, dẫn: Mặt đường bê tông xi măng thiết kế theo cấp quy mô giao thông cấp nhẹ theo quy định tại Quyết định số 3230/QĐ-BGTVT ngày 14/12/2012 của Bộ GTVT Quy định tạm thời về thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông, khe không có thanh truyền lực.

4.2.2. Vuốt nổi dân sinh.

- Đường giao dân sinh được thiết kế vuốt nổi đảm bảo êm thuận và an toàn giao thông. Tại những vị trí giao với các đường dân sinh thiết kế vuốt nổi vào đường hiện trạng với độ dốc dọc đảm bảo êm thuận. Kết cấu vuốt nổi như kết cấu tuyến chính.

- Thiết kế vuốt nổi mép mặt đường xe chạy từ đường chính vào đường giao dân sinh bằng các đường cong nằm với bán kính từ 1,0-10,0m tùy thuộc vào điều kiện xây dựng cũng như tính chất vuốt nổi;

4.2.3. Hệ thống an toàn giao thông.

Các công trình an toàn giao thông đều được thiết kế điều chỉnh để phù hợp quy chuẩn Việt Nam về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT. Các công trình an toàn giao thông được áp dụng bao gồm các loại sau:

Biển báo hiệu:

- + Biển tam giác: Bố trí tại các đường giao dân sinh hiện có
- + Cọc tiêu: Bố trí tại những vị trí xây kè đá học, kênh dọc tuyến với khoảng cách 5m/cọc

4.2.4. Công trình thoát nước ngang.

Cống bản $B=0,75\text{m}$ - Km0+250.51;

Kết cấu nắp bản đúc sẵn BTCT M250 đá 1x2, thân công, móng thân công bằng BTXM M150 đá 2x4, xà mũ mố bằng BTCT đá 1x2, M200, lớp đá dăm đệm móng 4x6 dày 10cm. Gia cố cọc tre loại A dài 2,0m, 16 cọc/m²

4.2.5. Công trình thoát nước dọc.

Xây hoàn trả 53,44m kênh dọc $B=0,5\text{m}$ phía bên trái tuyến, nối từ kênh hiện trạng vào ao tại Km0+113.21 đến Km0+166.66

Kết cấu như sau:

+ Thân kênh: Bề ngang gạch xây VXM M75, móng kênh bằng BTXM M150 đá 2x4 trên lớp đá dăm đệm dày 10cm, Mũ mố bằng BTCT M250# đá 1x2

+ Tấm đan bằng BTCT M250# đá 1x2 kích thước 70x50x14cm chia làm 2 loại, loại chịu lực khi đi qua nhà dân và loại thông thường.

4.2.6. Công trình kè đá học.

- Xây 81.0m kè đá học tại những vị trí:

STT	Hạng mục tường kè	Đơn vị	Khối lượng
Chiều dài tường kè		m	81.00
1	Lý trình: Km0+90 - Km0+112.86 - Bên trái tuyến kè 1.5m	m	22.86
2	Lý trình: Km0+143 - Km0+162.59 - Bên phải tuyến kè 1.5m	m	19.59
3	Lý trình: Km0+166 - Km0+188.75- Bên phải tuyến kè 1.5m	m	22.75
4	Lý trình: Km0+196.5 - Km0+212.3 - Bên phải tuyến kè 2m	m	15.80

Kết cấu như sau:

+ Giằng đỉnh kè bằng BTCT M200#

+ Thân và móng kè bằng đá học xây VXM M100#

+ Bên dưới móng kè rải đá dăm đệm dày 10cm.

+ Gia cố bằng cọc tre loại A dài 2.0m, 16 cọc/m²

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng: Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại 577.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng: xã Yên Hòa, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Công trình thi công dự kiến diện tích đất chiếm dụng để thực hiện dự án khoảng 2,0 ha bao gồm chủ yếu là đất giao thông hiện trạng và nông nghiệp, một phần nhỏ đất mặt nước và đất nuôi trồng thủy sản ...

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Công trình nhóm C; Công trình giao thông, cấp IV.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Công trình Thiết kế 1 bước.

Các tiêu chuẩn áp dụng:

- Tiêu chuẩn khảo sát xây dựng được áp dụng:

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500 - 1:1000 - 1:2000 - 1:5000 (phần ngoài trời)	96 TCN 43 :1990
2	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình	TCVN 9398:2012

3	Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020/TCĐBVN
4	Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan	

- Tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng:

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054:2005
2	Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế	TCVN10380-2014
3	Quy định tạm thời về thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nổi trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 39:2022/TCĐBVN
4	Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 2737:1995
5	Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép	TCVN 5574:2018
6	Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5573:2011
7	Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN41:2019/BGTVT
8	Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan	

- Các tiêu chuẩn áp dụng cho công tác thi công và nghiệm thu

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012
2	Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 10380-2012
3	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu	TCVN 8859-2011
4	Ban hành quy định tạm thời về kỹ thuật thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông	Quyết định số 1951/QĐ-BGTVT
5	Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan	

9. Tổng mức đầu tư: 986.366.000 đồng

(Bằng chữ: Chín trăm tám mươi sáu triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng chẵn)

Trong đó:

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị phê duyệt (đồng)
1	Chi phí xây dựng	846.811.000
2	Chi phí quản lý dự án	23.711.000
3	Chi phí tư vấn ĐTXD	77.848.000
4	Chi phí khác	8.226.000
5	Chi phí dự phòng	29.770.000
	Tổng cộng	986.366.000

10. Tiến độ thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (nếu có): Tiến độ thực hiện đầu tư và hoàn thành trong năm 2022-2023.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Nguồn đầu giá giá trị quyền sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án

13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không

14. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước (nếu có): Không.

15. Các nội dung khác (nếu có): Không

Điều 2. Giao cho Công chức Địa chính - Xây dựng, Công chức Tài chính - Kế toán xã, đơn vị tư vấn quản lý dự án tổ chức thực hiện các bước tiếp theo của dự án đúng quy định, đúng đồ án thiết kế được duyệt, đảm bảo chất lượng kỹ thuật, mỹ thuật, giám sát, nghiệm thu và làm hồ sơ thanh quyết toán khối lượng, giá trị công trình đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Công chức văn phòng HĐND và UBND xã; Đơn vị tư vấn quản lý dự án; Công chức Địa chính - Xây dựng xã; Công chức Tài chính - Kế toán xã và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đoàn Trung Nam